

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/DS-ST

Ngày 10 - 5 - 2024

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Gân.

2. Bà Trần Thanh Duyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 390/2024/TLST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2024. Về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Ông Nguyễn Nhật T, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

2/ Bà Đặng Thu H, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Nhật T với bà Đặng Thu H là bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khóm B, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2023 (Có mặt)

Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

2/ Bà Lê Thị Thu H1, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Nhật T với bà Đặng Thu H và bản tự khai, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Vào năm 2016 ông T, bà H1 có kiện ông C và bà H1 yêu cầu trả số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 274.905.000đồng. Ngày 01/7/2016 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành có ra Quyết định số 86/2016/QĐST- DS về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là ông C,

bà H1 thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho ông T, bà H tổng số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm tổng cộng là 274.905.000đồng. Sau đó ông T, bà H có làm đơn yêu cầu Thi hành án thì ông C, bà H1 thỏa thuận trả cho ông T, bà H được số tiền 100.000.000đồng, còn nợ lại số tiền 169.290.539đồng, ông C, bà H1 có hứa đến vụ lúa thì ông, bà sẽ trả cho đến nay vẫn không trả. Nên ông T, bà H khởi kiện.

Tại phiên Tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông C và bà H1 có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 169.290.539đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu hai trăm chín mươi nghìn năm trăm ba mươi chín đồng*) theo biên nhận ngày 21/8/2017, phần tiền lãi ông T và bà H không yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Thu H1 vắng mặt nên không có lời trình bày và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay ông C, và H1 vắng mặt, các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Vị đại viện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 351, Điều 357, Điều 430, Điều 433 và Điều 440 Bộ luật dân sự. Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, bà H.

Buộc ông C và bà H1 có nghĩa vụ trả cho ông T và bà H số tiền còn nợ là 169.290.539đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu hai trăm chín mươi nghìn năm trăm ba mươi chín đồng*), không yêu cầu tiền lãi.

Phía bị đơn ông C, bà H1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 nhưng ông, bà vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày, phản đối coi như từ bỏ quyền lợi của mình.

Ngoài ra Vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông C, bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về nội dung vụ án: Ông C và bà H1 có nuôi tôm và có mua thức ăn tại Đại lý N do ông T, bà H làm chủ Đại lý và sau khi hai bên kết sổ lại thì ông C, bà H1 còn nợ tiền con giống, thức ăn nuôi tôm tại Đại lý N số tiền là 274.905.000 đồng. Đã được Tòa án huyện C giải quyết theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sau khi án có hiệu lực thì ông C, bà H1 có trả cho ông T, bà H được số tiền là 100.000.000 đồng và ngày 21 tháng 8 năm 2017 Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Trà Vinh có ra Quyết định đình chỉ Thi hành án do ông C, bà H1 có hứa sẽ trả tiền cho ông T, bà H, cùng ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa ông T với ông C, bà H1 có lập văn bản thể hiện ông C, bà H1 có trả được cho ông T số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), còn nợ lại số tiền là 169.290.539 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu hai trăm chín mươi nghìn năm trăm ba mươi chín đồng*) ông C, bà H1 có hứa đến khi nào có thu hoạch lúa thì ông, bà sẽ trả cho ông T, bà H. Nhưng đến nay ông C, bà H1 không có trả số tiền này.

[3] Bị đơn ông C, bà H1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 nhưng ông, bà vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày, phản đối lại yêu cầu của nguyên đơn, coi như ông, bà từ bỏ quyền lợi của mình.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua lời trình bày của các bên thấy rằng nội dung trong văn bản xác nhận số nợ giữa ông C, bà H1 với ông T là phù hợp với lời khai của ông T, bà H và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Sau khi Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đình chỉ thi hành án, ông C, bà H1 có viết biên nhận nợ và cam hết trả nợ nhưng ông, bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T, bà H. Do ông C, bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông T, bà H khởi kiện là có căn cứ nên Hội đồng xét xử buộc ông C và bà H1 có nghĩa vụ trả cho ông T, bà H số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm còn nợ là 169.290.539 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu hai trăm chín mươi nghìn năm trăm ba mươi chín đồng*) là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của Vị kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C và bà H1 phải có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 351, Điều 357, Điều 430, Điều 433 và Điều 440 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhật T, bà Đặng Thu H.

[2] Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Nhật T, bà Đặng Thu H số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 169.290.539 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu hai trăm chín mươi nghìn năm trăm ba mươi chín đồng*).

[3] Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoảng tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoảng tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Thu H1 có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.464.500 đồng (*Tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng*).

[5] Ông Nguyễn Nhật T và bà Đặng Thu H không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.232.000 đồng theo biên lai thu tiền số 00000607 ngày 10 tháng 01 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên